

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Hà Nội, 2018

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện *Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ* ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 và *Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ* ban hành theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Đại học Mỏ - Địa chất đã tiến hành soạn thảo và ban hành *Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ* và *Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ* của Trường.

Nhằm giúp học viên cao học (HVCH) và nghiên cứu sinh (NCS) hiểu và thực hiện tốt *Quy định về tổ chức tuyển sinh và đào tạo sau đại học* của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Phòng Đào tạo sau đại học đã tập hợp những thông tin quan trọng nhất của các Quy chế nêu trên về công tác tuyển sinh và chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ và trình độ Tiến sĩ của Trường.

Một số quy định về đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ đã được điều chỉnh và cập nhật để phù hợp với tình hình thực tế của Trường. Các HVCH và NCS có thể tìm kiếm thêm thông tin về chương trình đào tạo, các mẫu văn bản có liên quan trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Trường trên trang Web của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Mặc dù đã được nhiều học viên, nghiên cứu sinh, nhà quản lý, các cán bộ trong toàn Trường góp ý kiến, tuy nhiên các Quy chế để phục vụ công tác đào tạo sau đại học luôn cần được hoàn thiện hơn nữa để phù hợp với thực tế. Chúng tôi hoan nghênh và xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp quý báu của các nhà quản lý, các học viên và nghiên cứu sinh. Hy vọng các bản Quy chế này sẽ giúp ích cho HVCH và NCS trong thời gian học tập và nghiên cứu tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Trường Đại học Mỏ - Địa chất

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: **1172**/QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ
của Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo sau đại học, Trường phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quy định trong Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Đào tạo sau đại học, Trường phòng Tổ chức cán bộ, Trường các khoa, bộ môn, trường các đơn vị liên quan và nghiên cứu sinh thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Website;
- HUMG iOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB, ĐTSĐH₍₀₁₎.



PGS.TS Lê Hải An

MỘT SỐ THÔNG TIN TUYỂN SINH CAO HỌC VÀ NGHIÊN CỨU SINH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

1. Tuyển sinh cao học (đào tạo trình độ thạc sĩ)

1.1. Các ngành, chuyên ngành đào tạo

Số TT	Ngành đào tạo	Các ngành, chuyên ngành gần có thể học bổ sung kiến thức để dự thi
1	Kỹ thuật địa chất	- Địa chất khoáng sản và thăm dò - Địa chất thủy văn - Địa chất công trình - Địa chất học - Khoáng vật học và địa hóa học - Kỹ thuật địa vật lý (có thể học chuyên ngành Địa chất KS và TD, Địa chất học) - Địa chất dầu khí - Tin học địa chất - Nguyên liệu khoáng - Các chuyên ngành Xây dựng cầu đường; Xây dựng công trình và công nghiệp,... của một số trường đại học khác có thể học bổ sung kiến thức để học chuyên ngành Địa chất công trình.
2	Địa chất học	- Kỹ thuật địa chất - Kỹ thuật địa vật lý - Tin học địa chất - Địa mạo và cổ địa lý - Hải dương học
3	Khoáng vật học và địa hóa học	- Kỹ thuật địa chất - Địa chất học - Tin học địa chất
4	Khai thác mỏ	- Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm và mỏ - Tin học mỏ - Kỹ thuật tuyển khoáng
5	Kỹ thuật tuyển khoáng	- Tuyển luyện quặng - Khai thác mỏ
6	Kỹ thuật điện	- Kỹ thuật điện tử, viễn thông - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
7	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	- Kỹ thuật điện tử - Điện khí hóa - Kỹ thuật điện tử, viễn thông
8	Kỹ thuật cơ khí động lực	- Kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật ô tô, cơ kỹ thuật của các trường đại học khác
9	Kỹ thuật cơ khí	- Kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật ô tô, cơ kỹ thuật của các trường đại học khác
10	Kỹ thuật xây dựng công	- Kỹ thuật xây dựng của các trường đại học khác

	trình ngầm	- Khai thác mỏ - Chuyên ngành Địa chất công trình - Địa kỹ thuật xây dựng - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
11	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	- Bản đồ viễn thám và hệ thống tin địa lý - Quản lý đất đai - Địa chính - Quy hoạch vùng và đô thị - Tin học trắc địa
12	Bản đồ viễn thám và hệ thống tin địa lý	- Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Quản lý đất đai - Tin học trắc địa - Địa chính - Quy hoạch vùng và đô thị
13	Kỹ thuật địa vật lý	- Kỹ thuật địa chất - Địa chất học
14	Kỹ thuật dầu khí	- Khoan khai thác - Khoan thăm dò - Công nghệ khoan - Thiết bị dầu khí
15	Kỹ thuật hóa học	- Kỹ thuật hóa học của các trường đại học khác - Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu
16	Quản lý kinh tế	- Người có bằng đại học ngành khác phải học bổ sung kiến thức và phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kinh tế hoặc quản lý trước khi dự thi ngành QLKT
17	Địa tin học	- Công nghệ thông tin - Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Kỹ thuật địa chất - Địa chất học - Địa lý tự nhiên - Quản lý đất đai

1.2. Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển

1.3. Điều kiện văn bằng để dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ

- Đã tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi;
- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần phải học bổ sung kiến thức (kết thúc trước ngày 20 tháng 8 năm 2018);
- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi đạt loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp, đạt loại trung bình khá trở xuống phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc; thí sinh tốt nghiệp đại học ngành khác dự thi ngành Quản lý kinh tế phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ.

1.4. Thời gian đào tạo: 1,5 - 2 năm.

1.5. Các môn thi tuyển: Toán cao cấp, Tiếng Anh, môn Cơ sở.

Thí sinh có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng sau được miễn thi môn tiếng Anh:

a) Chứng chỉ tiếng Anh tương đương trình độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung Châu Âu chung trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự thi, bao gồm:

- Chứng chỉ tiếng Anh IELTS do British Council, IDP Australia và University of Cambridge cấp;

- Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL PBT, TOEFL ITP, TOEFL CBT, TOEFL iBT, chứng chỉ tiếng Anh TOEIC do các trung tâm IIG, IIE hoặc các trung tâm do ETS ủy quyền;

- Các chứng chỉ tiếng Anh khác được quy định trong Bảng tham chiếu chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ B1 nêu trong Phụ lục III của Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT;

- Chứng chỉ tiếng Anh tương đương trình độ B1 theo Khung Châu Âu chung về ngoại ngữ do Hiệu trưởng các trường đại học được phép đào tạo trình độ đại học ngành ngoại ngữ tương ứng cấp;

b) Bằng tốt nghiệp đại học được đào tạo ở nước ngoài bằng tiếng Anh;

c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ (tiếng Anh).

1.6. Hồ sơ dự thi: Đơn xin dự thi; Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương; Giấy chứng nhận đủ sức khỏe học tập của bệnh viện đa khoa; Bản sao bằng tốt nghiệp đại học; 3 ảnh cỡ 3x4 và 2 phong bì dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ, điện thoại liên hệ.

2. Tuyển sinh nghiên cứu sinh (đào tạo trình độ tiến sĩ)

2.1. Các ngành đào tạo

TT	Tên ngành
1	Kỹ thuật địa chất
2	Địa chất học
3	Khoáng vật học và địa hóa học
4	Kỹ thuật dầu khí
5	Kỹ thuật địa vật lý
6	Kỹ thuật cơ khí động lực
7	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
8	Khai thác mỏ
9	Kỹ thuật điện
10	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm

11	Quản lý kinh tế
12	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
13	Kỹ thuật tuyển khoáng

2.2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển vào tháng 3 và tháng 9 hàng năm.

2.3. Điều kiện dự tuyển

* Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ phù hợp ngành đăng ký dự tuyển;

* Có ít nhất 1 bài báo hoặc báo cáo khoa học liên quan đến hướng nghiên cứu của đề tài đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

* Có đề cương về dự định nghiên cứu.

* Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

* Trình độ ngoại ngữ: Thí sinh phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại mục a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh hoặc đáp ứng quy định tại mục b khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II của Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT) theo quy định tại mục c do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

đ) Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Được cơ quan quản lý nhân sự giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ.

2.4. Thời gian đào tạo: Đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên

tục; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung liên tục.

Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục được,

nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo trong giai đoạn 24 tháng đầu kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

2.5. Hồ sơ dự tuyển: Đơn xin dự tuyển; Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ

quan; Giấy chứng nhận đủ sức khỏe học tập của bệnh viện đa khoa; Bản sao bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm, bằng tốt nghiệp cao học và bảng điểm; Chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ; Bản khai các công trình khoa học cùng bản sao các công trình đó; Đề cương về dự định nghiên cứu; Thư giới thiệu dự tuyển; Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan chủ quản có thẩm quyền quyết định nhân sự; 03 ảnh cỡ 3x4 và 02 phong bì ghi rõ họ tên, địa chỉ, điện thoại liên hệ.

3. Thời gian nhận hồ sơ và thi tuyển

Hồ sơ dự tuyển (theo mẫu quy định) có thể nộp trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Mở - Địa chất, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Thời gian nhận hồ sơ: Được thông báo trên Website của Nhà trường.

Thời gian thi tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sẽ được thông báo đến thí sinh trong quá trình nhận hồ sơ.

Mọi thủ tục chi tiết xem trên Website của Trường hoặc liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Mở - Địa chất, điện thoại: 024.38386438;

Email: daotaosaudaihoc@humg.edu.vn

QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1172/QĐ-MĐC ngày 13 tháng 9 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: tuyển sinh; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các nghiên cứu sinh, giảng viên, bộ môn, khoa và các cán bộ, bộ phận tham gia quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 3. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.
2. Số lần tuyển sinh trong năm: từ 01 đến 02 lần/năm. Hiệu trưởng Nhà trường quyết định số lần tuyển sinh trong năm tùy theo số lượng dự tuyển và chỉ tiêu đào tạo nghiên cứu sinh được giao.

Điều 4. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ.
2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.
3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:
 - a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;
 - b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
 - c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;
 - d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).
4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của Nhà trường.
5. Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng ngành dự tuyển do Hiệu trưởng nhà trường quy định.

Điều 5. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:
 - a) Đơn xin dự tuyển.

b) Lý lịch khoa học.

c) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

d) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe học tập của bệnh viện đa khoa;

đ) Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

e) Bản khai các bài báo, công trình khoa học (theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy chế này) đã công bố cùng bản sao các công trình đó.

f) Văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ (theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 4 của Quy chế này).

g) Đề cương nghiên cứu (theo mẫu).

h) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- Năng lực hoạt động chuyên môn;
- Phương pháp làm việc;
- Khả năng nghiên cứu;
- Khả năng làm việc theo nhóm;
- Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

i) 03 ảnh cỡ 3x4 và 02 phong bì dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, email.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Điều 6. Thông báo tuyển sinh

1. Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại trường, gửi đến các cơ quan đơn vị có liên quan, đăng trên trang web của Trường (địa chỉ: www.humg.edu.vn) và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác trước khi tổ chức xét tuyển ít nhất 03 tháng, trong đó nêu rõ:

a) Điều kiện dự tuyển;

b) Danh mục ngành phù hợp được xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; danh sách người hướng dẫn đáp ứng quy định tại Điều 17 của Quy chế này;

c) Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành đào tạo;

d) Hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này và thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển;

đ) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học;

e) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có);

g) Các yêu cầu và thông tin cần thiết khác.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh do Hiệu trưởng chịu trách nhiệm, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 7. Tổ chức tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh

Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 34 Luật giáo dục đại học, Hiệu trưởng Nhà trường quy định chi tiết việc tổ chức tuyển sinh, tiêu chuẩn, số lượng, nhiệm vụ và quyền của các cá nhân và tập thể tham gia tổ chức tuyển sinh; phê duyệt danh sách người trúng tuyển và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

1. Hội đồng tuyển sinh

a) Hiệu trưởng trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh:

Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên.

- Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;

- Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Đào tạo sau đại học;

- Các ủy viên: Trưởng khoa chuyên môn của các ngành có thí sinh đăng ký dự tuyển.

Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

- Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh quy định tại Chương II của Quy chế này;

- Quyết định và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định tại Chương II của Quy chế này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Nhà trường;

- Quyết định thành lập các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban Thư ký và các Tiểu ban chuyên môn. Các Ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

2. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

a) Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các ủy viên.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

- Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;

- Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh gửi tới khoa chuyên môn;

- Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;

- Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển.

c) Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký:

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

3. Tiểu ban chuyên môn

a) Căn cứ hồ sơ dự tuyển, ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Trưởng đơn vị chuyên môn đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

b) Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là thành viên của đơn vị chuyên môn, cán bộ khoa học, giảng viên trong khoa hoặc ngoài trường do Trưởng đơn vị chuyên môn mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển.

Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có: Trưởng tiểu ban, Thư ký và các thành viên tiểu ban.

c) Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển; gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

d) Quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng tiểu ban chuyên môn:

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về toàn bộ nội dung tuyển sinh có liên quan tới nhiệm vụ của Tiểu ban;

- Lập kế hoạch đánh giá đề cương chi tiết, phân công ủy viên trong tiểu ban chuyên môn đọc và nhận xét bằng văn bản đối với toàn bộ hồ sơ của thí sinh;

- Chủ trì phiên họp của Tiểu ban đánh giá hồ sơ dự tuyển và chịu trách nhiệm về kết luận cũng như kiến nghị của phiên họp đánh giá xét tuyển của Tiểu ban;

- Kiến nghị Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thay đổi hoặc đình chỉ việc đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận đối với những ủy viên thiếu trách nhiệm, vi phạm Quy chế.

4. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

a) Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển và dự định nghiên cứu của thí sinh.

b) Trình tự tiến hành buổi đánh giá xét tuyển:

- Thí sinh trình bày sơ lược về bản thân, quá trình đào tạo, kinh nghiệm hoạt động chuyên môn, thành tích nghiên cứu khoa học, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo là Trường Đại học Mở - Địa chất ...

- Thí sinh trình bày trình bày các vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Tiểu ban chuyên môn, cụ thể về các nội dung:

- Tên đề tài hoặc định hướng nghiên cứu;
- Sự cần thiết, tính cấp thiết của đề tài;
- Xác định mục tiêu, mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu;
- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu (các tài liệu trong và ngoài nước về vấn đề dự định nghiên cứu, đề tài nghiên cứu hiện tại đang ở trạng thái nào, các tác giả, nhà nghiên cứu khác trong cùng lĩnh vực đã làm được gì? những vấn đề gì còn tồn tại cần nghiên cứu tiếp? dự kiến hướng giải quyết như thế nào?.....)

- Dự kiến nội dung, phương pháp nghiên cứu;
- Dự kiến kết quả đạt được;
- Tiến độ, kế hoạch học tập và nghiên cứu.

- Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: kiến thức chuyên môn, tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh.

- Từng thành viên trong Tiểu ban chuyên môn căn cứ thang điểm đã xây dựng đánh giá thí sinh. Thư ký tiểu ban tổng hợp các ý kiến đánh giá và kết quả cho điểm của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

c) Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Hiệu trưởng trường quyết định cho từng ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

5. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

a) Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được duyệt, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, hướng nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu (nếu đã xác định), ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh (thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh được tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh).

b) Thủ tục đăng ký nhập học của nghiên cứu sinh được quy định như sau:

- Muộn nhất sau 15 ngày kể từ ngày Phòng Đào tạo sau đại học gửi giấy báo nhập học và quyết định đến nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh phải đến Phòng Đào tạo sau đại học để đăng ký nhập học, đóng học phí, đăng ký bộ môn và phòng thí nghiệm nghiên cứu (nghiên cứu sinh vào trang web của Trường để lấy các biểu mẫu đăng ký nhập học).

- Thí sinh trúng tuyển không thực hiện thủ tục đăng ký nhập học theo thời gian quy định, không được công nhận là nghiên cứu sinh của Nhà trường.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 8. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung.

2. Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại trường trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

3. Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại Điều 15 của Quy chế này.

Điều 9. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ do các khoa chuyên môn và bộ môn chuyên môn (sau đây gọi là đơn vị chuyên môn) xây dựng, được thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành, có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ nghiên cứu sinh rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết và lý luận của ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của ngành; phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà khoa học trong nước và quốc tế.

b) Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

c) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học;

d) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia).

2. Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

Điều 10. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

1. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu mà các đơn vị chuyên môn xác định số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung.

2. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) tương ứng,

trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

3. Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, Hiệu trưởng có thể yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học cho từng trường hợp cụ thể trên cơ sở đề nghị của đơn vị chuyên môn và Phòng Đào tạo sau đại học.

4. Hiệu trưởng ra quyết định các học phần nghiên cứu sinh cần học bổ sung, khối lượng tín chỉ cần bổ sung cho trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 11. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn, nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 06 học phần đến 09 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 14 tín chỉ đến 20 tín chỉ, trong đó tiểu luận tổng quan và 02 chuyên đề tiến sĩ là những học phần bắt buộc. Số lượng học phần cần học đối với từng nghiên cứu sinh do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của đơn vị chuyên môn và Phòng Đào tạo sau đại học.

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn, trong đó:

a) Các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành; mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 2 đến 3 học phần bắt buộc với khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ.

b) Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học; mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 2 đến 3 học phần tự chọn với khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ.

3. Tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết; khối lượng của tiểu luận tổng quan là 2 tín chỉ.

4. Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Mỗi nghiên cứu sinh cần phải hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ.

5. Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định và công bố công khai trước khi khai giảng khóa đào tạo các nội dung: danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của từng chuyên đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà nghiên cứu sinh cần đạt; cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh.

Điều 12. Nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất của lĩnh vực nghiên cứu, hướng nghiên cứu của đề tài để đặt ra các yêu cầu khác nhau đối với việc đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp công nghệ liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết,

yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, thí nghiệm để từ đó nghiên cứu sinh đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Đây là cơ sở quan trọng nhất để nghiên cứu sinh viết luận án tiến sĩ.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Đơn vị chuyên môn và người hướng dẫn khoa học có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn khoa học và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì nghiên cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu để đảm bảo chất lượng luận án. Trong trường hợp này, nghiên cứu sinh phải có đơn đề nghị, có xác nhận của tiểu ban hướng dẫn và đơn vị chuyên môn. Trong đơn cần nêu rõ kế hoạch cụ thể trong thời gian kéo dài để đảm bảo hoàn thành nội dung nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian này do nghiên cứu sinh chịu hoặc do đơn vị cử đi học hỗ trợ.

4. Nhà trường có trách nhiệm kết hợp chặt chẽ công tác đào tạo tiến sĩ với công tác nghiên cứu khoa học theo các giải pháp sau:

a) Xác định đề tài luận án tiến sĩ và phân công cán bộ hướng dẫn theo các đề tài, dự án khoa học công nghệ của khoa, bộ môn;

b) Bố trí cho nghiên cứu sinh sinh hoạt khoa học và thực hiện đề tài luận án tại các phòng thí nghiệm, nhóm nghiên cứu đang thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ;

c) Cấp bổ sung kinh phí đào tạo sau đại học cho các đề tài, dự án khoa học công nghệ trực tiếp giải quyết các nhiệm vụ khoa học của đề tài luận án tiến sĩ; hướng dẫn các chủ nhiệm đề tài, dự án kết hợp sử dụng tốt kinh phí khoa học công nghệ của đề tài, dự án và nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học khác nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của cả công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo sau đại học;

d) Có chính sách ưu tiên giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học cho các đề tài, dự án khoa học công nghệ, đồng thời ưu tiên giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho các cán bộ giảng dạy là nghiên cứu sinh, cho các nhóm nghiên cứu và các cán bộ đang hướng dẫn luận văn, luận án.

Điều 13. Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

Điều 14. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần, tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ

1. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ của từng nghiên cứu sinh, văn bằng nghiên cứu sinh đã có, các học phần nghiên cứu sinh đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ (nếu có), người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đơn vị chuyên môn sẽ đề xuất các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh, trình Hiệu trưởng phê duyệt. Phòng Đào tạo sau đại học xây dựng kế hoạch học tập theo đề xuất của các đơn vị chuyên môn và thông báo cho đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh thực hiện.

2. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, nghiên cứu sinh phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của Nhà trường hoặc cơ sở đào tạo khác do Trường gửi đến học. Các học phần ở trình độ tiến sĩ do Nhà trường tổ chức thực hiện.

Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ phải đăng ký học và thi các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ. Thời hạn hoàn thành các học phần trong chương trình cao học là 2 năm kể từ ngày có quyết định trúng tuyển nghiên cứu sinh.

3. Kế hoạch học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh với các trình độ khác nhau được quy định như sau:

Năm	Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ	Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ
1	Học chương trình cao học Học các học phần bổ sung (nếu có)	Học các học phần bổ sung (nếu có) Học các học phần ở trình độ tiến sĩ Hoàn thành tiểu luận tổng quan
2	Học xong chương trình cao học Học các học phần ở trình độ tiến sĩ Hoàn thành tiểu luận tổng quan	Hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ Hoàn thành ít nhất 1 bài báo khoa học
3	Hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ Hoàn thành ít nhất 1 bài báo khoa học	Hoàn thành các bài báo khoa học Hoàn thành luận án Bảo vệ luận án các cấp
4	Hoàn thành các bài báo khoa học Hoàn thành luận án Bảo vệ luận án các cấp	

4. Tổ chức học tập các học phần bổ sung và các học phần ở trình độ tiến sĩ:

a) Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở ngành gần với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ hoặc có bằng thạc sĩ đúng ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp, cần học bổ sung 3 đến 5 học phần theo yêu cầu của ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu. Với những học phần có nội dung trùng hoặc gần trùng với học phần tương ứng trong chương trình đào tạo thạc sĩ, nghiên cứu sinh có thể đăng ký học cùng với các lớp, khóa cao học cùng ngành. Đối với những học phần còn lại, nghiên cứu sinh làm đơn đăng ký học theo kế hoạch riêng và nộp Phòng Đào tạo sau đại học để giải quyết.

b) Tổ chức học tập các học phần ở trình độ tiến sĩ chủ yếu thực hiện theo hình thức tự học: cán bộ giảng dạy giới thiệu đề cương, nội dung chủ yếu của giáo trình, các tài liệu tham khảo, nghiên cứu sinh nghiên cứu lý thuyết, làm thí nghiệm, thực hành, bài tập, tiểu luận; cán bộ phụ trách và bộ môn tổ chức kiểm tra, thi đánh giá học phần.

5. Tiểu luận tổng quan do nghiên cứu sinh thực hiện dưới sự giúp đỡ của người hướng dẫn. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng chấm tiểu luận tổng quan. Hội đồng chấm tiểu luận tổng quan gồm 03 thành viên, là những người có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc chức danh phó giáo sư, giáo sư, trong đó có ít nhất 01 thành viên ở ngoài Trường. Việc đánh giá và chấm tiểu luận tổng quan thực hiện sau khi nghiên cứu sinh trình bày. Hình thức đánh giá đối với tiểu luận tổng quan theo thang điểm 10.

6. Tổ chức thực hiện chuyên đề tiến sĩ:

a) Mỗi chuyên đề tiến sĩ bao gồm: tên chuyên đề, đề cương chi tiết, nội dung chuyên đề trình bày theo mẫu quy định, được đơn vị chuyên môn thông qua.

b) Các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh dưới sự giúp đỡ của cán bộ hướng dẫn chuyên đề. Số tín chỉ của mỗi chuyên đề là 2 đến 3 tín chỉ.

c) Đơn vị chuyên môn có trách nhiệm tổ chức các buổi sinh hoạt khoa học để nghiên cứu sinh trình bày các vấn đề của chuyên đề tiến sĩ (ít nhất là 1 buổi sinh hoạt cho 1 chuyên đề) và phải nộp biên bản buổi sinh hoạt khoa học về chuyên đề tiến sĩ liên quan cho Phòng Đào tạo sau đại học. Biên bản buổi sinh hoạt khoa học là một trong những điều kiện để Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ.

d) Để thành lập Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, đơn vị chuyên môn phải nộp cho Phòng Đào tạo sau đại học hồ sơ đề nghị thành lập hội đồng bao gồm: đơn xin bảo vệ chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh, công văn đề nghị thành phần hội đồng của trưởng đơn vị chuyên môn, 4 tập thuyết minh báo cáo chuyên đề. Toàn bộ hồ sơ phải được trưởng đơn vị chuyên môn thông qua.

đ) Mỗi chuyên đề cần thành lập hội đồng đánh giá riêng. Thành phần hội đồng do trưởng đơn vị chuyên môn đề nghị. Hội đồng bao gồm tối thiểu là 03 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên là cán bộ ngoài trường, cán bộ hướng dẫn nghiên cứu sinh không được làm chủ tịch hoặc thư ký hội đồng. Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ, Phòng Đào tạo sau đại học trình Hiệu trưởng xem xét ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ.

e) Tổ chức hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ: muộn nhất sau 30 ngày kể từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định thành lập hội đồng, đơn vị chuyên môn phải tổ chức hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh. Ít nhất 7 ngày trước khi tổ chức hội đồng, đơn vị chuyên môn phải gửi giấy mời tham gia hội đồng, quyết định thành lập hội đồng, thuyết minh báo cáo chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh tới các thành viên hội đồng, gửi giấy mời cho các cán bộ khoa học tham dự.

Trong đánh giá chuyên đề, điểm chuyên đề tiến sĩ là trung bình cộng điểm của các thành viên hội đồng có mặt tham gia buổi đánh giá. Kết quả đánh giá chuyên đề phải được lập thành biên bản, hồ sơ đánh giá chuyên đề tiến sĩ được nộp cho Phòng Đào tạo sau đại học chậm nhất là 7 ngày kể từ ngày tổ chức hội đồng.

7. Hội đồng Khoa học - Đào tạo khoa chuyên môn cùng các bộ môn quản lý ngành có nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần, các chuyên đề tiến sĩ theo yêu cầu của ngành đào tạo và quy định của Nhà trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

15. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi nghiên cứu sinh, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại khoản 1, Điều 9 và thời gian quy

định tại khoản 4 và khoản 5, Điều 15 của Quy chế này.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

Việc thay đổi đề tài luận án, hoặc bổ sung, thay đổi người hướng dẫn chỉ thực hiện khi có những lý do chính đáng và thật cần thiết. Trong những trường hợp này, thủ tục thực hiện như sau:

a) Trước thời hạn nêu trên 30 ngày nghiên cứu sinh nộp đơn trình bày lý do thay đổi đề tài hoặc người hướng dẫn, kế hoạch học tập nghiên cứu cụ thể tiếp theo, có ý kiến đồng ý của tiểu ban hướng dẫn và đơn vị chuyên môn.

b) Phòng Đào tạo sau đại học tiếp nhận đơn trình Hiệu trưởng xem xét ra quyết định. Sau khi nhận quyết định, nghiên cứu sinh cần đăng ký kế hoạch học tập, nghiên cứu tiếp theo với Phòng Đào tạo sau đại học, tập trung giải quyết các vấn đề chuyên môn theo hướng thay đổi.

3. Khi có lý do chính đáng, nghiên cứu sinh có thể xin chuyển cơ sở đào tạo. Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

4. Nghiên cứu sinh được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời hạn theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh, luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trong thời gian quy định tại khoản 1, Điều 8.

5. Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian này, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại trường.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định tại Điều 30 của Quy chế này) thì Hiệu trưởng nhà trường quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

6. Khi nghiên cứu sinh hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định của Quy chế này, nghiên cứu sinh có thể đề nghị được bảo vệ sớm luận án nhưng không sớm trước 2/3 thời gian đào tạo ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh tính đến ngày bảo vệ cấp cơ sở.

Trong một số trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng xem xét quyết định việc bảo vệ sớm trước 2/3 thời gian đào tạo căn cứ vào kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, đề nghị của Tiểu ban hướng dẫn, đề nghị của Trưởng đơn vị chuyên môn và ý kiến đánh giá, đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 16. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

2. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học và các quy định liên quan.

Điều 17. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

e) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

f) Hiện không trong thời gian phải tạm dừng nhận nghiên cứu sinh mới theo quy định tại khoản 4 Điều này.

g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên cơ hữu của nhà trường hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với nhà trường.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

- a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn qui định tại khoản 1 Điều này;
- b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu qui định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;
- c) Ít nhất phải có một người là giảng viên cơ hữu của nhà trường.

3. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 04 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 03 nghiên cứu sinh; kể cả nghiên cứu sinh đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép trở lại trường xin bảo vệ luận án theo quy định tại Điều 15 của Quy chế này.

4. Trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến ngày giao nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh, nếu người hướng dẫn khoa học có 02 nghiên cứu sinh có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 30 của Quy chế này (nếu có) sẽ không được giao hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới.

5. Nhà trường khuyến khích mời các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh.

6. Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học.

7. Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị đề luận án được đánh giá ở đơn vị chuyên môn và tại Hội đồng cấp trường nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 21 của Quy chế này.

8. Thực hiện các nhiệm vụ và các quyền khác theo quy định.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh

1. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh:

a) Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh là thành viên chính thức của đơn vị chuyên môn, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch để thực hiện chương trình học tập, nghiên cứu và đề cương nghiên cứu với đơn vị chuyên môn.

b) Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch và lịch đã định; tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn.

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành ít nhất 02 bài báo quy định tại khoản 5 Điều 21 của Quy chế này; tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài Trường.

Nghiên cứu sinh cần định kỳ báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của mình với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn ít nhất 4 lần một năm vào thời gian từ ngày 15 đến ngày cuối tháng của các tháng 3, 6, 9, 12; nộp báo cáo định kỳ có xác nhận của người hướng dẫn, đơn vị chuyên môn cho Phòng Đào tạo sau đại học trong thời gian nêu trên. Đây là tài liệu bắt buộc cần thiết để làm các thủ tục tiếp theo đối với nghiên cứu sinh.

Nếu nghiên cứu sinh lần thứ nhất không nộp báo cáo định kỳ cho Phòng Đào tạo sau đại học sẽ bị nhắc nhở và thông báo cho đơn vị chuyên môn; nếu nghiên cứu sinh 02 lần liên tiếp không nộp báo cáo định kỳ Nhà trường sẽ xem xét hình thức kỷ luật tới mức cảnh cáo lưu hồ sơ

cá nhân; nếu nghiên cứu sinh 03 lần liên tiếp không nộp báo cáo định kỳ, Nhà trường sẽ xem xét hình thức kỷ luật xóa tên nghiên cứu sinh và thông báo cho cơ quan quản lý nghiên cứu sinh.

c) Trong quá trình học tập, nghiên cứu sinh phải dành thời gian tham gia vào các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại trường theo sự phân công của đơn vị chuyên môn.

d) Vào đầu mỗi năm học, nghiên cứu sinh phải nộp cho đơn vị chuyên môn báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; đề cương nghiên cứu chi tiết, kế hoạch học tập, nghiên cứu của mình trong năm học mới để đơn vị chuyên môn xem xét đánh giá.

Hồ sơ báo cáo và đăng ký kế hoạch năm học mới có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn cần được nộp cho Phòng Đào tạo sau đại học chậm nhất vào ngày 15 tháng 9 hàng năm. Nghiên cứu sinh không nộp báo cáo, đăng ký chương trình học tập, nghiên cứu năm học mới và nộp học phí hàng năm theo quy định được coi là tự ý thôi học và Nhà trường sẽ làm thủ tục xóa tên trong danh sách nghiên cứu sinh của Nhà trường.

đ) Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp trường trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.

2. Quyền của nghiên cứu sinh:

a) Được Nhà trường tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin về việc học tập, nghiên cứu của mình;

b) Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất khác của Nhà trường để phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học;

c) Được dành thời gian cho việc học tập và nghiên cứu theo chương trình đào tạo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Quy chế này;

d) Được tham dự các khóa đào tạo hỗ trợ nghiên cứu, thực tập ở nước ngoài sau khi có sự đồng ý của người hướng dẫn và Nhà trường;

đ) Được đề đạt để xin thay đổi hoặc điều chỉnh đề tài, người hướng dẫn, cơ sở đào tạo, thời gian đào tạo trong thời hạn cho phép;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền của đơn vị chuyên môn

1. Tổ chức Tiểu ban chuyên môn để xét tuyển nghiên cứu sinh, đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển và năng lực, tư chất của thí sinh; lập biên bản đánh giá, xếp loại kết quả xét tuyển nghiên cứu sinh trình Hiệu trưởng quyết định tuyển chọn.

2. Xem xét và thông qua Hội đồng khoa trước khi trình Hiệu trưởng quyết định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; kế hoạch đào tạo đối với từng nghiên cứu sinh; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của nghiên cứu sinh đó.

3. Có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết các học phần, biên soạn giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo tiến sĩ ngành do bộ môn phụ trách.

4. Quản lý nghiên cứu sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và nghiên cứu sinh ít nhất mỗi tháng một lần, để

nghiên cứu sinh báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công nghiên cứu sinh giảng dạy; phân công hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đưa sinh viên đi thực hành, thực tập. Có các biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu.

5. Quy định lịch làm việc của nghiên cứu sinh với người hướng dẫn. Đơn vị chuyên môn phải tổ chức cho nghiên cứu sinh báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học, đảm bảo ít nhất 4 lần một năm vào cuối các tháng 3, 6, 9, 12, đồng thời xác nhận kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh trong những lần báo cáo này gửi Nhà trường thông qua Phòng Đào tạo sau đại học.

6. Trưởng đơn vị chuyên môn kiểm tra trực tiếp việc thực hiện kế hoạch học tập, giảng dạy và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của nghiên cứu sinh và đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng nghiên cứu sinh.

Trưởng đơn vị chuyên môn cần đảm bảo tính xác thực trong đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về đánh giá này.

7. Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Hiệu trưởng về tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đồng thời thông qua Hiệu trưởng gửi báo cáo này cho Thủ trưởng đơn vị công tác của nghiên cứu sinh.

8. Đề xuất với Hiệu trưởng danh mục các tạp chí khoa học ngành có phản biện độc lập mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 21 của Quy chế này; hướng dẫn, liên hệ và hỗ trợ nghiên cứu sinh gửi công bố kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước.

9. Đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh.

10. Phối hợp với Phòng Đào tạo sau đại học tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở cấp cơ sở, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường.

11. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền của Nhà trường

1. Xây dựng và ban hành quy định chi tiết của Nhà trường về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý nghiên cứu sinh, về luận án, bảo vệ luận án, cấp bằng tiến sĩ và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ trên cơ sở Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Trường theo từng ngành đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các ngành được phép đào tạo; lập hồ sơ gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo đăng ký ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học uy tín, có phản biện độc lập mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu theo từng ngành đào tạo và hướng dẫn nghiên cứu sinh thủ tục, quy trình gửi bài cho các tạp chí trong nước và tạp chí nước ngoài.

4. Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định và theo quy định tại Chương II của Quy chế này.

5. Ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh; quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh.

6. Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được duyệt. Tạo điều kiện để nghiên cứu sinh được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế ở nước ngoài.

7. Cung cấp thiết bị, vật tư, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh như đối với cán bộ khoa học kỹ thuật của Trường.

8. Tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Nhà trường. Đảm bảo đủ nhân lực có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tốt để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ việc bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh.

9. Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh; quản lý việc thi và cấp chứng chỉ các học phần, bảng điểm học tập; cấp giấy chứng nhận cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án; cấp bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành.

10. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học chuyên đề; các hội thảo khoa học quốc tế. Xuất bản thường kỳ tạp chí khoa học ngành có phản biện độc lập của Nhà trường.

11. Xây dựng trang web và công bố công khai, cập nhật và duy trì trên trang web toàn văn luận án, tóm tắt luận án, những điểm mới của từng luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) từ khi chuẩn bị bảo vệ; danh sách nghiên cứu sinh hàng năm; các đề tài nghiên cứu đang thực hiện; danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ.

12. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Sau mỗi đợt tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tổ chức tuyển sinh và kết quả tuyển sinh kèm theo các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển (theo mẫu tại Phụ lục III);

b) Vào tháng 12 hằng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh từng ngành của năm tiếp theo (theo mẫu tại Phụ lục IV);

c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp trường trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục V);

d) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT - BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

đ) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, hồ sơ bảo vệ luận án các cấp, hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ, quyết định cấp bằng tiến sĩ, sổ gốc cấp văn bằng tốt nghiệp là tài liệu được lưu trữ, bảo quản vĩnh viễn tại cơ sở đào tạo. Tài liệu tuyển sinh, đào tạo và các tài liệu khác được lưu trữ, bảo quản trong thời hạn 5 năm sau khi người học tốt nghiệp. Các bài thi học phần, báo cáo chuyên đề, tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh được bảo quản và lưu trữ đến khi nghiên cứu sinh tốt nghiệp. Việc tiêu hủy tài liệu hết giá trị sử dụng được thực hiện theo quy định hiện hành.

13. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Nhà trường trong đào tạo trình độ tiến sĩ và chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động đào tạo tại trường.

14. Đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo với cơ quan có thẩm quyền.

Trong hoạt động đào tạo của Nhà trường, Phòng Đào tạo sau đại học là Phòng trực tiếp thực hiện chức năng quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ. Trách nhiệm của Phòng Đào tạo sau đại học trong đào tạo trình độ tiến sĩ của Nhà trường như sau:

a) Tiếp nhận và xử lý các loại đơn từ, hồ sơ, công văn, bản đăng ký...có liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ;

b) Xây dựng kế hoạch dài hạn và ngắn hạn về đào tạo trình độ tiến sĩ;

c) Xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa và hàng năm cho từng ngành đào tạo;

d) Tổ chức thực hiện công tác đào tạo theo kế hoạch;

đ) Theo dõi kết quả kiểm tra, thi các học phần, đánh giá tiểu luận tổng quan, chuyên đề cấp tiến sĩ của nghiên cứu sinh từng ngành đào tạo;

e) Làm thủ tục cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án các cấp;

g) Tổ chức bảo vệ luận án cấp Trường cho nghiên cứu sinh;

h) Làm thủ tục và quản lý việc cấp chứng chỉ các học phần, bảng điểm toàn khóa, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;

i) Tổ chức các ngày lễ: lễ khai giảng, lễ phát bằng... cho nghiên cứu sinh;

k) Quản lý và lưu trữ hồ sơ đào tạo tiến sĩ; phối hợp với Trung tâm Thông tin - Thư viện quản lý và khai thác luận án tiến sĩ đã bảo vệ của các nghiên cứu sinh;

l) Thực hiện những công tác khác có liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

Chương V

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 21. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ phải do nghiên cứu sinh thực hiện và đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu quy định tại Điều 13 của Quy chế này. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

Khuyến khích nghiên cứu sinh viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

2. Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang khổ giấy A4, không kể phụ lục. Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13-14, mã UNICODE, có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án và được đóng bìa cứng (tham khảo mẫu tại phụ lục VI). Cấu trúc của luận án gồm:

- a) Lý do lựa chọn đề tài, câu hỏi nghiên cứu, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài;
- b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;
- c) Cơ sở lý thuyết, lý luận, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu;
- d) Kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;
- đ) Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;
- e) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định;
- g) Danh mục các bài báo/công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);
- h) Phụ lục (nếu có).

3. Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ và Quy định phòng chống đạo văn, cụ thể:

- a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);
- b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;
- c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ và Quy định phòng chống đạo văn.

4. Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

5. Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được công bố tối thiểu trong 02 bài báo, trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus và 01 bài trong tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước, khuyến

khích nghiên cứu sinh đăng bài báo trong Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất của trường hoặc được công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện;

6. Luận án cần trình bày theo đúng mẫu quy định của Trường một cách khoa học, rõ ràng, mạch lạc; không tẩy xóa.

Điều 22. Đánh giá và bảo vệ luận án

1. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

a) Cấp cơ sở;

b) Cấp trường.

2. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đề nghị bảo vệ luận án:

a) Đã hoàn thành chương trình học tập và luận án trong thời gian quy định, đáp ứng các yêu cầu quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12 và 18 của Quy chế này;

b) Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 13 và Điều 21 của Quy chế này và quy định của Nhà trường. Luận án được viết và bảo vệ bằng tiếng Anh khi Nhà trường có khả năng thành lập Hội đồng đánh giá luận án bằng tiếng Anh. Trường hợp này do Hiệu trưởng xem xét cụ thể và ra quyết định;

c) Nội dung chủ yếu của luận án đã được báo cáo trong các buổi sinh hoạt khoa học, được thông qua tại đơn vị chuyên môn (có biên bản kèm theo);

d) Kết quả nghiên cứu của luận án đã được công bố ít nhất trong 02 bài báo, trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus và 01 bài trong Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất bằng tiếng Anh của trường hoặc được công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện;

đ) Tập thể hoặc người hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án;

e) Nghiên cứu sinh hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Điều 23. Đánh giá luận án ở cấp cơ sở

1. Sau khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 22 của Quy chế này, Trường đơn vị chuyên môn đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp và am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có ít nhất hai nhà khoa học ở ngoài cơ sở đào tạo. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

3. Tổ chức đánh giá luận án cấp cơ sở được quy định như sau:

a) Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên phản biện của Hội đồng phải đọc luận án, các công trình khoa học của nghiên cứu sinh, viết và gửi nhận xét cho Phòng Đào tạo sau đại học

trước phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án ít nhất là 7 ngày. Các thành viên còn lại của Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

b) Ít nhất 7 ngày trước khi tổ chức Hội đồng, đơn vị chuyên môn có trách nhiệm thông báo cho Phòng Đào tạo sau đại học về thời gian, địa điểm tổ chức Hội đồng để Phòng Đào tạo sau đại học thông báo trên trang web của Trường và làm các thủ tục chuẩn bị tiếp theo.

c) Đơn vị chuyên môn có trách nhiệm gửi giấy mời tham gia Hội đồng, Quyết định thành lập Hội đồng, thuyết minh báo cáo luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh tới các thành viên Hội đồng.

d) Tổ chức buổi bảo vệ luận án cấp cơ sở được thực hiện theo trình tự do Hiệu trưởng quy định (Phụ lục VII).

4. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ 2 thành viên Hội đồng trở lên;
- đ) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở là hình thức sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn, được tổ chức để các thành viên trong đơn vị chuyên môn và những người quan tâm có thể tham dự (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật). Trước khi luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp trường, Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở tổ chức từ một đến nhiều phiên họp khi luận án vẫn còn những điểm cần sửa chữa, bổ sung. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung. Trong trường hợp phải họp từ hai phiên trở lên, Hội đồng cần xác định rõ thời gian lần họp tiếp theo. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá luận án lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường;

Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp trường khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng và được ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng cấp cơ sở có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành, được chủ tịch Hội đồng xác nhận bằng văn bản.

Nhà trường chỉ thanh toán kinh phí cho 01 phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đối với những nghiên cứu sinh còn trong thời hạn học tập theo quy định. Nghiên cứu sinh tự túc kinh phí cho những phiên họp khác của Hội đồng cấp cơ sở.

6. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của nghiên cứu sinh và trình Hiệu trưởng quyết định, đảm bảo luận án được phổ biến đến tất cả các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng những vấn đề trong luận án, trong đó số lượng cá nhân thuộc Trường không quá một phần tư tổng số các cá nhân được gửi tóm tắt luận án.

7. Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của nghiên cứu sinh.

Điều 24. Phản biện độc lập luận án

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, Hiệu trưởng lấy ý kiến của 2 phản biện độc lập về luận án.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có chức danh khoa học, có học vị tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ (nếu là tiến sĩ phải có thời gian được công nhận học vị tiến sĩ từ 03 năm trở lên), có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ nghiên cứu sinh và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án, có phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học. Phản biện độc lập không được là người thuộc Trường hay cùng đơn vị công tác với nghiên cứu sinh.

Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án. Khuyến khích lấy ý kiến của phản biện độc lập ở nước ngoài, nhất là đối với những luận án thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

3. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của cơ sở đào tạo. Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

4. Phản biện độc lập có trách nhiệm đọc kỹ luận án, bản tóm tắt luận án và các công trình khoa học của nghiên cứu sinh, viết ý kiến đánh giá về giá trị khoa học, những đóng góp của luận án cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành; những điểm đúng, sai của luận án; sự phù hợp của đề tài với mã số ngành; sự không trùng lặp của đề tài, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án; tính trung thực, rõ ràng trong trích dẫn; sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố; nhận định về chất lượng công trình và tạp chí đăng bài cho nghiên cứu sinh; những yêu cầu đòi hỏi nghiên cứu sinh phải bổ sung, hoàn chỉnh luận án. Để kết luận, phản biện độc lập cần cho ý kiến đồng ý hay không đồng ý để luận án được bảo vệ cấp trường.

Thời gian đọc và đánh giá luận án của phản biện độc lập không ít hơn 1 tháng.

5. Khi cả 2 phản biện độc lập tán thành luận án, toàn văn bản nhận xét (không có tên) của phản biện độc lập sẽ được Phòng Đào tạo sau đại học gửi cho nghiên cứu sinh để nghiên cứu sinh nghiên cứu, tiếp thu sửa chữa hoặc bảo lưu quan điểm của mình, có văn bản giải trình và ý kiến xác nhận của người hướng dẫn nộp cho Phòng Đào tạo sau đại học. Trong thời gian không quá 01 tháng kể từ ngày nhận được nhận xét của phản biện độc lập, nghiên cứu sinh phải hoàn chỉnh luận án và nộp cho Phòng Đào tạo sau đại học 01 bản luận án đóng bìa cứng, 01 bản tóm tắt luận án và bản giải trình của nghiên cứu sinh để Phòng Đào tạo sau đại học làm thủ tục trình Hiệu trưởng xem xét ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

Trong trường hợp phản biện độc lập yêu cầu được xem lại việc tiếp thu, sửa chữa luận án của nghiên cứu sinh, các thủ tục trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường chỉ được tiến hành sau khi có sự đồng ý cho phép bảo vệ luận án cấp trường của phản biện độc lập đó. Hồ sơ gửi lại cho phản biện độc lập như lần đầu.

6. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Hiệu trưởng gửi luận án lấy ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Thủ tục gửi và lấy ý kiến của phản biện thứ ba cũng thực hiện như đối với hai phản biện trước. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp trường.

Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở nếu cả 2 phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau 6 tháng và muộn nhất là 01 năm kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

7. Quy trình xin ý kiến của phản biện độc lập được quy định như sau:

a) Người phụ trách Phòng Đào tạo sau đại học trình Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền hồ sơ xin ý kiến phản biện độc lập gồm: 01 quyển luận án, 01 quyển tóm tắt luận án, 01 bộ công trình khoa học (các bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học,...) của nghiên cứu sinh, danh sách 15 nhà khoa học có chức danh khoa học, có học vị tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ có trình độ chuyên môn cao và chuyên sâu theo hướng đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

b) Căn cứ vào nội dung luận án và tham khảo danh sách các nhà khoa học, Hiệu trưởng quyết định danh sách 2 phản biện độc lập để lấy ý kiến.

c) Người phụ trách Phòng Đào tạo sau đại học có trách nhiệm gửi các hồ sơ đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh và người hướng dẫn nghiên cứu sinh tới 2 phản biện độc lập theo danh sách Hiệu trưởng đã duyệt. Hồ sơ bao gồm: 01 quyển luận án, 01 quyển tóm tắt luận án, 01 bộ công trình khoa học của nghiên cứu sinh.

d) Sau khi nhận được nhận xét của phản biện độc lập, Người phụ trách Phòng Đào tạo sau đại học tổng hợp, hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện theo các khoản 5, 6 của Điều này.

Điều 25. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường:

a) Luận án của nghiên cứu sinh được đơn vị chuyên môn và Phòng Đào tạo sau đại học đề nghị Hiệu trưởng cho nghiên cứu sinh được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

b) Luận án của nghiên cứu sinh được các phản biện độc lập quy định tại Điều 24 của Quy chế này tán thành;

c) Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh bao gồm:

a) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng;

b) Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của nghiên cứu sinh sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận và đồng ý của Chủ tịch Hội đồng, 2 người phản biện luận án, những thành viên có ý kiến đề nghị bổ sung sửa chữa và Trưởng đơn vị chuyên môn. Thời hạn để nghiên cứu sinh chỉnh sửa, hoàn chỉnh luận án là 03 tháng kể từ phiên họp của Hội đồng cấp cơ sở cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở cấp trường;

c) Hai bản nhận xét của 02 người phản biện độc lập;

d) Danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án;

đ) Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ (nếu có);

e) Bản sao hợp lệ bảng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và chứng chỉ ngoại ngữ của nghiên cứu sinh;

g) Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

h) Bản kê khai danh mục và sao chụp những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

i) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả qui định tại điểm b, khoản 3 Điều 21 Quy chế này (nếu có);

k) Luận án và tóm tắt luận án;

l) Trang thông tin về những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh). Nội dung gồm: tên luận án; tên ngành và mã số; tên nghiên cứu sinh và khoá đào tạo; chức danh khoa học, học vị, tên người hướng dẫn; tên cơ sở đào tạo; nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án; chữ ký và họ tên của nghiên cứu sinh;

m) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Điều 26. Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường. Thành viên Hội đồng là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài và là những nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; có phẩm chất đạo đức tốt; có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có công trình nghiên cứu, có uy tín và kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

Số lượng thành viên Hội đồng gồm 07 thành viên; trong đó: số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 05 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở cấp cơ sở tối đa không quá 03 người; số thành viên là cán bộ của trường tối đa không quá 03 người; thành viên là tiến sĩ phải đã nhận bằng đủ 36 tháng tính đến ngày thành lập Hội đồng.

2. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, ba người phản biện và các ủy viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng.

Các yêu cầu, điều kiện đối với từng chức danh trong Hội đồng đánh giá luận án cấp trường được quy định như sau:

a) Chủ tịch hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh; có kinh nghiệm trong đào tạo sau đại học và trong chỉ đạo, điều khiển các buổi bảo vệ luận án; chịu trách nhiệm về các hồ sơ liên quan để bảo vệ luận án cấp trường của nghiên cứu sinh.

b) Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; người phản biện phải có tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện.

c) Thư ký hội đồng phải là người cùng chuyên ngành với luận án và hiểu biết các thủ tục bảo vệ luận án, có nhiệm vụ kiểm tra và chịu trách nhiệm về các hồ sơ của nghiên cứu sinh.

d) Các ủy viên hội đồng cần đảm bảo các yêu cầu và điều kiện nêu ở khoản 1 và 3 của Điều này. Đại diện tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

3. Người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

Điều 27. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp trường

1. Hiệu trưởng có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực thực hiện các công việc tổ chức bảo vệ luận án cho nghiên cứu sinh.

2. Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, nghiên cứu sinh đóng quyển luận án, in tóm tắt luận án có ghi đầy đủ họ tên, học vị, cơ quan công tác của những người phản biện vào bìa 2 quyển tóm tắt luận án và nộp cho Trường. Phòng Đào tạo sau đại học có trách nhiệm gửi luận án và tóm tắt luận án cùng các tài liệu cần thiết khác cho các thành viên hội đồng; gửi tóm tắt luận án theo danh sách đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đề nghị để lấy ý kiến nhận xét.

3. Các điều kiện tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường được quy định như sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, toàn văn luận án, tóm tắt luận án và trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường chậm nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 29 của Quy chế này;

b) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến Phòng Đào tạo sau đại học của Trường 15 ngày trước ngày bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh.

c) Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về bố cục và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những đóng góp mới cho khoa học của luận án.

Bản nhận xét luận án của các phản biện của Hội đồng cần nêu đầy đủ thông tin về đề tài, chuyên ngành, ngành và mã số của luận án, thông tin về người phản biện. Nội dung của bản nhận xét phải nêu ý kiến đánh giá về các vấn đề trình bày trong luận án, kết luận về mức độ đáp ứng các yêu cầu đối với luận án tiến sĩ quy định tại Điều 21; bản tóm tắt luận án phản ánh trung thành nội dung cơ bản của luận án hay không; luận án có thể đưa ra bảo vệ để nhận học vị hay không (mẫu bản nhận xét nêu tại Phụ lục VIII).

d) Hội đồng đánh giá luận án cấp trường chỉ họp sau khi nhận được ít nhất 15 bản nhận xét của các nhà khoa học thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu có trong danh sách gửi tóm tắt luận án và nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án.

4. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án cấp trường nếu xảy ra một trong những trường hợp sau:

a) Vắng mặt chủ tịch hội đồng;

b) Vắng mặt thư ký hội đồng;

c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;

d) Vắng mặt từ 2 thành viên hội đồng trở lên;

đ) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

e) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

g) Có 02 nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức bảo vệ luận án.

5. Hồ sơ chuẩn bị cho buổi bảo vệ

Để tiến hành bảo vệ luận án cấp trường, thư ký hội đồng phối hợp với Phòng Đào tạo sau đại học cần chuẩn bị đầy đủ các văn bản sau:

a) Các loại hồ sơ của nghiên cứu sinh bao gồm: Bản nhận xét quá trình thực hiện đề tài của người hướng dẫn; Lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh có xác nhận của cơ quan cử đi học; Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ (nếu có); Bản sao hợp lệ bảng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và chứng chỉ ngoại ngữ của nghiên cứu sinh; Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có); Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả).

b) Bản tổng hợp các nhận xét luận án và nhận xét tóm tắt luận án của các thành viên hội đồng không phải là phản biện, nhận xét tóm tắt luận án của các cơ quan và các nhà khoa học gửi đến Hội đồng.

c) Mẫu biên bản kiểm phiếu và phiếu đánh giá đã điền đầy đủ các chỗ trống.

d) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nêu được các vấn đề theo trình tự sau: Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án; tính hợp lý, hiện đại và độ tin cậy của phương pháp nghiên cứu mà tác giả đã sử dụng; các kết quả mới của luận án, giá trị sử dụng của các kết quả này trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành về mặt lý thuyết và ứng dụng; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; kết luận của Hội đồng.

6. Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trong trường hợp cần thiết và chỉ vì lý do bất khả kháng (như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định). Các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

7. Trong thời hạn tối đa là 03 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng đánh giá luận án cấp trường phải tiến hành họp đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 5, Điều 15 và khoản 2, Điều 22 của Quy chế này. Hiệu trưởng quyết định việc đưa luận án ra bảo vệ. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án lần đầu. Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

Điều 28. Tổ chức bảo vệ luận án cấp trường

1. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 29 của Quy chế này.

Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên trong Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá.

Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi của Hội đồng và người tham dự cũng như phần trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi. Biên bản do thư ký hội đồng ghi, được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

2. Trình tự phiên họp đánh giá luận án cấp trường theo quy định của Hiệu trưởng, được nêu ở Phụ lục IX.

3. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án không được thông qua nếu có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trở lên bỏ phiếu không tán thành.

4. Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ:

a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;

b) Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án;

c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;

d) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;

đ) Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;

e) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;

g) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;

h) Đề nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Quyết nghị của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai.

5. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của nghiên cứu sinh để lưu tại Phòng Đào tạo sau đại học, Thư viện Trường và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

Điều 29. Bảo vệ luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Hiệu trưởng phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Nghiên cứu sinh thực hiện luận án được xác định là mật quy định tại khoản 1 Điều này không phải thực hiện quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 22 và điểm a, khoản 3 Điều 27 của Quy chế này.

3. Danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và cấp trường, danh sách các cán bộ tham dự ngoài Hội đồng, danh sách những đơn vị và cá nhân được gửi luận án và tóm tắt luận án phải được Bộ, Ngành quản lý bí mật đó đề nghị và Hiệu trưởng ra quyết định bằng văn bản.

4. Khi tổ chức cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật, Trường không phải thông báo công khai về buổi bảo vệ của nghiên cứu sinh trên các phương tiện truyền thông. Thời gian và địa điểm bảo vệ chỉ những người có trách nhiệm và những người được phép tham dự biết. Trình tự bảo vệ luận án theo chế độ mật thực hiện như bảo vệ luận án theo chế độ công khai.

5. Số lượng bản thảo luận án và tóm tắt luận án cũng như các bản chính thức phải được xác định và phải đóng dấu mật. Tất cả hồ sơ buổi bảo vệ mật phải được quản lý chặt chẽ theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

6. Ngoài các quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 của Điều này, người bảo vệ luận án theo chế độ mật vẫn phải thực hiện các quy định chung đối với nghiên cứu sinh.

Điều 30. Đánh giá lại luận án ở cấp trường

1. Nếu luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua thì nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị bảo vệ lần thứ hai muộn nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp trường lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

3. Không tổ chức bảo vệ luận án lần thứ ba.

4. Quá thời hạn 24 tháng kể ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ.

5. Thủ tục và trình tự tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ lại luận án được quy định như sau:

a) Ngoài các hồ sơ cần thiết như lần bảo vệ thứ nhất, đơn vị chuyên môn cần có văn bản tường trình về quá trình bổ sung, sửa chữa, hoàn thiện luận án và đề nghị Nhà trường cho nghiên cứu sinh được bảo vệ lần thứ hai.

b) Thủ tục và trình tự bảo vệ luận án lần thứ hai cũng giống như lần bảo vệ thứ nhất.

Chương VI

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 31. Thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thẩm định ngẫu nhiên tối đa 20% hồ sơ quá trình đào tạo, chất lượng luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua trong báo cáo của cơ sở đào tạo quy định tại điểm c, khoản 12 Điều 20 Quy chế này.

b) Thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

2. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo:

a) Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển tại Điều 5 của Quy chế này;

b) Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 25 của Quy chế này;

c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 35 của Quy chế này;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án:

a) Luận án tiến sĩ đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

b) Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo quy định;

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 32. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của trường quy định tại điểm c, khoản 12 Điều 20 của Quy chế này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần thẩm định của trường và nội dung yêu cầu thẩm định cụ thể.

2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của trường theo quy định tại Điều 31 của Quy chế này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án của Quy chế này.

4. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến đánh giá của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

a) Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu hai trong ba ý kiến thẩm định luận án tán thành;

b) Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định qui định tại điểm a khoản này hoặc có đơn thư tố cáo về nội dung và chất lượng luận án thì Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ quyền Hiệu trưởng tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 33. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 04 thành viên chưa tham gia đánh giá luận án ở cấp cơ sở, chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Quy chế này.

2. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường quy định tại Điều 26 Quy chế này.

3. Hội đồng thẩm định luận án có chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

4. Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có).

5. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: xem xét, đánh giá và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án hoặc làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo.

6. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

7. Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua, Hiệu trưởng tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 12 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

Điều 34. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 32 Quy chế này hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp trường kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung chỉnh sửa, báo cáo Hiệu trưởng cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh theo các yêu cầu quy định tại Điều 35 của Quy chế này.

2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a) Trong trường hợp nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án theo quy định tại Điều 30 của Quy chế này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ thì Nhà trường xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Quy chế này.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình. Trường hợp phát hiện có vi phạm hành chính thì được chuyển xem xét xử lý theo quy định hiện hành về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

4. Trong thời gian tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Hiệu trưởng có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Điều 35. Cấp bằng tiến sĩ

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua đủ 03 tháng (90 ngày);

b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường và được người hướng dẫn, đơn vị quản lý đào tạo, chủ tịch Hội đồng xác nhận (nếu có);

c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 32 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 3 và điểm a, khoản 4 Điều 32 và khoản 1 Điều 34 của Quy chế này; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 32 của Quy chế này;

d) Đã đăng trên trang thông tin điện tử của trường và nộ Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và file pdf) toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Nhà trường sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và Hội đồng thẩm định (nếu có).

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp trường;

b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có mặt tại buổi đánh giá;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;

đ) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có mặt tại buổi đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;

e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

g) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật;

h) Các tài liệu khác theo quy định của Hiệu trưởng.

3. Nhà trường tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và tiến hành thủ tục cấp bằng cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy các đủ điều kiện qui định tại khoản 1 Điều này và lưu trữ hồ sơ cấp bằng theo quy định.

4. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Chương VII

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 36. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nghiên cứu sinh có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 37. Thanh tra, kiểm tra

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của các cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của trường. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho trường.

Điều 38. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại Điều 18 của Quy chế này sẽ bị xử lý từ khiển trách, cảnh cáo đến hủy bỏ kết quả học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án. Nếu thông tin về người phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập bị xem xét kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi việc.

3. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu nhà trường xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

4. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận nghiên cứu sinh;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những nội dung đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 21 của Quy chế này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại khoản 7 Điều 33 Quy chế này.

5. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại Điều 17 của Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo các hình thức: không được nhận thêm nghiên cứu sinh mới, không được tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh hiện tại hoặc không được nhận nghiên cứu sinh mới trong 3 năm tiếp theo.

6. Việc xác định luận án vi phạm tại điểm b, khoản 4 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Hiệu trưởng thành lập theo quy định tại Điều 33 của Quy chế này.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39: Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các khóa tuyển sinh đã có quyết định công nhận nghiên cứu sinh trước thời điểm ngày 18 tháng 5 năm 2017, Nhà trường thực hiện theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của Quy chế đào tạo tiến sĩ ban hành theo Quyết định số 516/QĐ-MĐC ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất;

2. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ thời điểm từ ngày 18 tháng 5 năm 2017 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018, quy định về tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại điểm d, khoản 1 Điều 17 và quy định về điều kiện nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở cấp cơ sở tại khoản 5 Điều 21 của Quy chế này được thực hiện như sau:

a) Người hướng dẫn những đề tài thuộc ngành Quản lý kinh tế là tác giả chính của tối thiểu 01 bài báo bằng tiếng nước ngoài đăng trên các tạp chí thuộc danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hoặc trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

b) Người hướng dẫn những đề tài thuộc các ngành khác của Nhà trường là tác giả chính tối thiểu 01 báo cáo hoặc công trình khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành hoặc 01 bài báo đăng trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

c) Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài thuộc ngành Quản lý kinh tế phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 01 bài báo bằng tiếng nước ngoài trên các tạp chí thuộc danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hoặc trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài;

d) Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài thuộc các ngành khác của Nhà trường phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 01 báo cáo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

3. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 trở đi, người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 17 và nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại điểm khoản 5 Điều 21 của Quy chế này.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

PGS.TS Lê Hải An

Phụ lục I

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm.....

ĐỀ ÁN

Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo...

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành/chuyên ngành đào tạo, quy mô sinh viên, các kết quả nghiên cứu....)

1.3. Những thông tin cần thiết khác....

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh

2.2. Phương thức tuyển sinh

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo: các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đang triển khai, các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu...

2.5. Tổ chức tuyển sinh: thời gian và số lần tuyển sinh/năm

2.6. Chính sách ưu tiên: ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định

2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

2.8. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành hoặc chuyên ngành

3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước

3.4. Kiểm định chất lượng

3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác

4. Những thông tin cần thiết khác

Hiệu trưởng
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục II

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

Stt	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

Phụ lục III

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ TUYỂN SINH

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

BÁO CÁO TUYỂN SINH NGHIÊN CỨU SINH NĂM

Nội dung:

1. Tổng hợp đăng kí dự tuyển
2. Công tác tổ chức tuyển sinh
3. Đánh giá chung về công tác tuyển sinh và những đề xuất, kiến nghị (nếu có)

Kèm theo:

Các quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

Phụ lục IV

MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH HÀNG NĂM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH HÀNG NĂM ...

I. Số lượng nghiên cứu sinh hiện có

Khoá đào tạo (năm bắt đầu ĐT)	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Số lượng nghiên cứu sinh hiện đang học tập tại cơ sở				Số sẽ tốt nghiệp năm sau			
		Tổng	Loại 3 năm	Loại 4 năm	Ghi chú	Tổng	Loại 3 năm	Loại 4 năm	Ghi chú

II. Kế hoạch chỉ tiêu tuyển mới năm 20....

(Báo cáo và lập biểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh)

III. Báo cáo về các hướng nghiên cứu và người hướng dẫn nghiên cứu sinh cho kế hoạch tuyển mới

STT	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Các hướng nghiên cứu, lĩnh vực NC cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người hướng dẫn	Số lượng NCS có thể nhận

Hiệu trưởng
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục V

**MẪU BÁO CÁO
DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH BẢO VỆ THÀNH CÔNG LUẬN ÁN CÁC THÁNG
TRONG NĂM**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

**DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ THÀNH CÔNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(Thángnăm)**

Stt	Họ và tên NCS	Quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ cấp trường, viện	Kết quả bảo vệ	Ghi chú

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục VI

HÌNH THỨC VÀ CẤU TRÚC LUẬN ÁN TIẾN SĨ

1. Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài sử dụng kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13-14, mã UNICODE.
2. Có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.
3. Cấu trúc của luận án gồm:
 - a) Lý do lựa chọn đề tài, câu hỏi nghiên cứu, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài;
 - b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;
 - c) Cơ sở lý thuyết, lý luận, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu;
 - d) Kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;
 - đ) Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;
 - e) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định của cơ sở đào tạo;
 - g) Danh mục các bài báo/công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);
 - h) Phụ lục (nếu có).

Phụ lục VII

TRÌNH TỰ TỔ CHỨC BUỔI BẢO VỆ LUẬN ÁN CẤP CƠ SỞ

1. Đại diện đơn vị chuyên môn tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở của Hiệu trưởng và đề nghị Chủ tịch Hội đồng điều khiển cuộc họp;

2. Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên Hội đồng có mặt, các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ và công bố chương trình làm việc;

3. Nghiên cứu sinh trình bày nội dung luận án. *Không được đọc bản tóm tắt luận án hoặc văn bản chuẩn bị trước, chỉ được trình chiếu những đề mục chính của nội dung luận án, các bảng biểu, hình vẽ, bản đồ ... minh chứng cho nội dung trình bày.* Không hạn chế thời gian trình bày của nghiên cứu sinh.

4. Những người phản biện đọc nhận xét.

5. Thành viên Hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi hoặc góp ý về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được và những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa.

6. Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi đã nêu ra và các ý kiến trao đổi.

7. Nếu không còn vấn đề tranh luận hoặc các vấn đề đã được làm rõ, Hội đồng họp riêng. Từng thành viên Hội đồng ghi ý kiến nhận xét vào phiếu nhận xét và phải ghi rõ tán thành hay chưa tán thành để luận án được bảo vệ ở Hội đồng chấm luận án cấp Trường. Nếu từ 3/4 trở lên số thành viên có mặt tán thành thì luận án đạt yêu cầu. Dựa vào nhận xét của các thành viên, Hội đồng thảo luận để thông qua kết luận của Hội đồng.

Hội đồng thông qua danh sách gửi xin ý kiến nhận xét tóm tắt luận án.

8. Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng, kết luận của Hội đồng cần khẳng định:

- Tên đề tài luận án có phù hợp với nội dung và mã số chuyên ngành, có trùng lặp về đề tài và nội dung với các luận án đã bảo vệ hay không;

- Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

- Những kết quả mới của luận án đã đạt được;

- Những vấn đề cần bổ sung, sửa chữa (nhưng không cần họp lại);

- Mức độ đáp ứng yêu cầu của luận án tiến sĩ về cả nội dung và hình thức theo quy định tại điều 21 Quy chế;

- Kết luận: Đề nghị cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Trường hay không?

** Sau khi tổ chức bảo vệ chậm nhất 01 tuần, Thư ký Hội đồng nộp lại cho Phòng ĐT Sau đại học các hồ sơ đã nhận từ Phòng ĐT Sau đại học, kèm theo:*

- 02 biên bản cuộc họp, có chữ ký của Thư ký, Chủ tịch Hội đồng và phản xác nhận của Đơn vị chuyên môn;

- Các phiếu đánh giá luận án đã có chữ ký của các thành viên Hội đồng;

- Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ;

- Danh sách có chữ ký của các đại biểu tham dự buổi bảo vệ;

- Giới thiệu danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường (gồm 15 người) và danh sách gửi tóm tắt luận án gồm ít nhất là 50 địa chỉ (gồm các cơ quan và cá nhân các nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu).

Phụ lục VIII

MẪU TRÌNH BÀY BẢN NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

BẢN NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Về đề tài: “.....”

Ngành:

Mã số:

Nghiên cứu sinh:.....

Người nhận xét:.....

Trách nhiệm trong HĐ:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung bản nhận xét phải nêu ý kiến đánh giá về các vấn đề sau:

- Tính cần thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài luận án;
- Sự không trùng lặp của đề tài nghiên cứu so với các công trình, luận văn, luận án đã công bố ở trong và ngoài nước; tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn tài liệu tham khảo;
- Sự phù hợp giữa tên đề tài với nội dung, giữa nội dung với chuyên ngành và mã số chuyên ngành;
- Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp đã sử dụng để nghiên cứu;
- Kết quả nghiên cứu mới của tác giả; đóng góp mới cho sự phát triển khoa học chuyên ngành; đóng góp mới phục vụ cho sản xuất, kinh tế, quốc phòng, xã hội và đời sống. ý nghĩa khoa học, giá trị và độ tin cậy các kết quả đó;
- Nội dung luận án đã được công bố trên tạp chí, kỷ yếu hội nghị khoa học nào và giá trị khoa học các công trình đã công bố;
- Ưu và nhược điểm về nội dung, kết cấu và hình thức luận án. Chỉ ra các vấn đề cần phải điều chỉnh, làm rõ;..
- Tóm tắt luận án có phản ánh trung thành nội dung của luận án không?
- Kết luận chung cần khẳng định mức độ đáp ứng các yêu cầu đối với một luận án tiến sĩ quy định tại Điều 21 Quy chế; luận án có thể đưa ra bảo vệ để nhận học vị Tiến sĩ hay không;

Nhận xét không cần nêu lại kết cấu và nội dung các chương của luận án, không trình bày theo thứ tự chương mục của luận án mà cần trình bày theo các vấn đề hay kết quả mới mà luận án đạt được.

....., ngày.... thángnăm 20...

NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT

NHẬN XÉT TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Về đề tài: “.....”

Ngành:

Mã số:

Nghiên cứu sinh:.....

Người nhận xét:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung bản nhận xét tóm tắt phải nêu ý kiến đánh giá về các vấn đề sau:

- Tính cần thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài luận án;
- Sự không trùng lặp của đề tài nghiên cứu so với các công trình, luận văn, luận án đã công bố ở trong và ngoài nước; tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn tài liệu tham khảo;
- Sự phù hợp giữa tên đề tài với nội dung, giữa nội dung với chuyên ngành và mã số chuyên ngành;
- Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp đã sử dụng để nghiên cứu;
- Kết quả nghiên cứu mới của tác giả; đóng góp mới cho sự phát triển khoa học chuyên ngành; đóng góp mới phục vụ cho sản xuất, kinh tế, quốc phòng, xã hội và đời sống, ý nghĩa khoa học, giá trị và độ tin cậy các kết quả đó;
- Ưu và nhược điểm về nội dung, kết cấu luận án. Chỉ ra các vấn đề cần phải điều chỉnh, làm rõ;
- Kết luận chung cần khẳng định mức độ đáp ứng các yêu cầu đối với một luận án tiến sĩ quy định tại Điều 21 Quy chế; luận án có thể đưa ra bảo vệ để nhận học vị Tiến sĩ hay không;

....., ngày.... thángnăm 20...

NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT

Phụ lục IX

TRÌNH TỰ TỔ CHỨC BUỔI BẢO VỆ LUẬN ÁN CẤP TRƯỜNG

I. Trình tự tổ chức:

1. Đại diện cơ sở đào tạo tuyên bố lý do, đọc Quyết định về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, giới thiệu đại biểu dự và đề nghị Chủ tịch Hội đồng điều khiển cuộc họp;
 2. Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên Hội đồng có mặt, các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ và công bố chương trình làm việc;
 3. Thư ký Hội đồng đọc lý lịch khoa học của NCS và các điều kiện cần thiết để NCS bảo vệ luận án: văn bằng tốt nghiệp, điểm các học phần, điểm chuyên đề tiến sĩ,...
 4. Thành viên Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi và ý kiến thắc mắc (nếu có) về lý lịch và quá trình đào tạo của NCS;
 5. NCS trình bày nội dung luận án trong thời gian không quá 30 phút, *không được đọc bản tóm tắt luận án hoặc văn bản chuẩn bị trước, chỉ được trình chiếu những đề mục chính của nội dung luận án, các bảng biểu, hình vẽ, bản đồ, ... minh chứng cho nội dung trình bày;*
 6. Các phản biện đọc nhận xét;
 7. Thư ký Hội đồng đọc bản tổng hợp các ý kiến nhận xét khác;
 8. Thành viên Hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi để kiểm tra kiến thức và trình độ khoa học của NCS;
 9. Tác giả luận án trả lời các câu hỏi đã nêu ra;
 10. Đại diện tập thể hướng dẫn phát biểu bằng văn bản về tinh thần, thái độ, kết quả học tập của NCS và đề nghị cho NCS bảo vệ luận án;
- (Nghỉ giải lao)*
11. Hội đồng họp riêng để bầu Ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín kết quả đánh giá, thảo luận thông qua Nghị quyết và Biên bản của Hội đồng;
- (Hội đồng tiếp tục làm việc)*
12. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả đánh giá luận án;
 13. Chủ tịch Hội đồng công bố Nghị quyết của Hội đồng;
 14. NCS phát biểu ý kiến;
 15. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc phần làm việc của Hội đồng và giao quyền điều hành cho Ban tổ chức;
 16. Đại diện Nhà trường và các đại biểu phát biểu ý kiến.

II. Thành phần Ban kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu gồm ba người trong Hội đồng (một Trưởng ban và hai ủy viên), Chủ tịch Hội đồng không tham gia Ban kiểm phiếu.

III. Trong thời gian 1 tuần sau khi bảo vệ, Thư ký Hội đồng nộp lại cho Phòng ĐT Sau đại học hồ sơ đã nhận từ Phòng, kèm theo các loại giấy tờ sau:

- 02 biên bản cuộc họp;

- 02 bản tổng hợp các ý kiến nhận xét (của các thành viên Hội đồng không phải là phản biện và các nhận xét tóm tắt luận án);
- 02 biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;
- 02 bản Nghị quyết của Hội đồng;
- Bản nhận xét của người hướng dẫn nghiên cứu sinh;
- Bản danh sách Hội đồng có chữ kí của các thành viên Hội đồng;
- Bản danh sách có chữ ký của các đại biểu tham dự buổi bảo vệ.

Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung - chỉnh sửa lại luận án theo Nghị quyết của Hội đồng (nếu có yêu cầu bổ sung - chỉnh sửa) và có văn bản báo cáo chi tiết về các nội dung đã bổ sung - chỉnh sửa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem xét lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của NCS.

